TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 10 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

2. Bà Lê Tuyết Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 576/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 306A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Bé N** – sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Thạch D** – sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, chị N có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2019 và tại phiên tòa, chị Phùng Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D sống chung năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Có hai người con chung, cháu Thạch Thị Nhã B – sinh ngày 24/4/2006, cháu Thạch M – sinh ngày 15/8/2015 , các cháu hiện đang sống với anh D. Chị đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Thạch D đúng theo quy định pháp luật nhưng anh D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thạch D có nơi trú tại ấp Nhà Máy B, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh D, yêu cầu anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N là người khởi kiện, anh D là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh D là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D đã được tòa án triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/7/2007 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Tại phiên tòa, chị N xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Thạch Thị Nhã B – sinh ngày 24/4/2006, cháu Thạch M – sinh ngày 15/8/2015, các cháu hiện đang sống chung với anh D, chị đồng ý giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh D nhưng anh vẫn vắng mặt không tham dự hòa giải và xét xử tại tòa cũng như không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, do các cháu hiện đang sống cùng anh D, cuộc sống ổn định, môi trường sống là ngôi nhà mà các cháu được sinh ra và lớn lên, hiện đã đi học và được anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, chị N đi làm xa nên không thường về nhà, không trực tiếp bên cạnh chăm sóc các con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với sự phát triển ổn định vốn có của các cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng, do đó chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bình và cháu Minh số tiền 750.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có cơ sở. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 31/10/2019.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Bé N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Thạch D.

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Bé N được ly hôn với anh Thạch D.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Nhã B – sinh ngày 24/4/2006, cháu Thạch M – sinh ngày 15/8/2015 cho anh Thạch D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phùng Bé N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc chị Phùng Bé N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Thị Nhã B – sinh ngày 24/4/2006, cháu Thạch M – sinh ngày 15/8/2015 với số tiền là 750.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 31/10/2019.

4. Về án phí: Chị Phùng Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002587 ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Phùng Bé N phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Án xử công khai, Chị Phùng Bé N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Thạch D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- UBND xã Đông Thới, huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.